

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rạt
2. Ông Nguyễn Văn Ghên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1038/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, Quyết định hoãn phiên Tòa số 148/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 160/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh Phạm Công Hậu, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh A.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Mỹ D trình bày tóm tắt như sau:

Chị và anh Phạm Công H cưới nhau năm 2012, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/11/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh H thay đổi tính tình, đam mê cờ bạc, gây nhiều nợ nần. Chị đã nhiều lần trả nợ và khuyên anh sửa đổi nhưng không có kết quả. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, anh H đã bỏ nhà đi ra ngoài sống từ tháng 9/2017 đến nay không về. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hậu.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị D xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Trần Đăng K, sinh ngày 13/8/2013, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị D xác định hiện chị đang buôn bán tại nhà với thu nhập trung bình khoảng 07 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 08/12/2017, bị đơn Phạm Công H trình bày tóm tắt như sau: Anh thống nhất với ý kiến của chị D về thời gian cưới nhau, kết hôn và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh H xác định là có, nhưng không đúng như lời chị D trình bày. Anh H nêu trong thời gian chung sống, do làm ăn thất bại nên anh có thiếu nợ của nhiều người, sau đó vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc. Còn về tình cảm, chị D cho rằng anh có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên thuê nhà trọ ở ngoài sống là không đúng. Do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên anh bỏ ra ngoài sống để cho hai bên có thêm thời gian suy nghĩ. Anh H xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ, để cùng nhau chăm sóc con. Anh cam kết sẽ sửa đổi tính tình, khắc phục các khuyết điểm. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Anh H xác định hiện đang làm thuê, thu nhập trung bình khoản 10 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H thống nhất với ý kiến của chị D là hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Phạm Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 3 mà vẫn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Phạm Công H cưới nhau năm 2012, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2013, nên quan hệ hôn nhân của chị D và anh H chỉ được pháp luật thừa nhận là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị D thấy rằng: Chị D và anh H đều thừa nhận vợ chồng có một số mâu thuẫn và trên thực tế từ tháng 9/2017 hai bên không còn sống chung với nhau. Anh H trình bày anh vẫn còn tình cảm với chị D và không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải tại Tòa án, anh H không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục chị D đồng ý đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong khi chị D luôn khẳng định không còn tình cảm gì với anh H và không đồng ý đoàn tụ. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và

Gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh H.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Chị D và anh H đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về chỗ ở, thu nhập thì chị D và anh H cùng có điều kiện như nhau là có chỗ ở, thu nhập ổn định, đều có khả năng nuôi con. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử, cháu Phạm Trần Đăng K, sinh ngày 13/8/2013, chưa đủ 07 tuổi, hiện sống chung với chị D. Hiện tại cháu K đang học lớp chồi tại Trường mầm non tư thục H G, xã Đ, gần nơi chị D đang sinh sống. Do đó, trên cơ sở cân nhắc điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của các bên và để đảm bảo cho sự ổn định, phát triển bình thường của cháu K, Hội đồng xét xử quyết định cho chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu K.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Phạm Công H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Phạm Công H.
2. Về quyền nuôi con chung: Chị Trần Thị Mỹ D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Trần Đăng K, sinh ngày 13/8/2013 (Cháu K hiện đang sống chung với chị D).

Anh Phạm Công H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H theo quy định của pháp luật. Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh H.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị D, anh H, người thân thích của cháu K, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0001536 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí, nên chị D không phải nộp tiếp. Anh Phạm Công H không phải chịu án phí.

5. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh